

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đàm Quang Hiệp.

Các Hội thẩm nhân:

1. Bà Trần Thị Bích Thủy.

2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1986.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị L có mặt, anh Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày: Chị và anh Lê Văn Đ tìm hiểu yêu thương nhau trong thời gian khoảng 02 năm, hai bên gia đình có tổ chức có gặp mặt vào tháng 4 năm 2008 (âm lịch) và trao sính lễ nhưng không tổ chức lễ cưới. Đến ngày 01 tháng 9 năm 2015 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm

2016 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh Đ sống khắt khe. Đã nhiều lần chị bỏ nhà ra đi nhưng vì thương con nên vợ chồng hàn gắn lại nhưng mâu thuẫn ngày càng nhiều hơn.

Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Lê Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang ở với mẹ chị, chị đi làm ăn gửi tiền về nuôi con. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2019 anh Lê Văn Đ trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng L ở thôn 4, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức lễ hỏi theo phong tục tập quán vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn nhưng nguyên nhân mâu thuẫn không đáng kể, chủ yếu là cãi nhau. Chị Nguyễn Thị Hồng L yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Lê Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang ở với bà ngoại. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm có: Trích lục kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của cháu Hiệp (bản sao); giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Hồng L (bản sao); sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Huỳnh Thị A (bản sao).

Các tình tiết các đương sự đã thống nhất được với nhau: Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M; vợ chồng có 01 con tên Lê Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2008; tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Không có.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau: Chị L yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý; khi ly hôn, chị L và anh Đ đều yêu cầu được nuôi con.

Lý lẽ, lập luận của các đương sự:

- Chị L trình bày: Anh Đ không cờ bạc, không trai gái, không nhậu nhẹt, không đánh vợ nhưng anh Đ không biết lắng nghe, không tôn trọng vợ, luôn đề bẹp danh dự chị nên chị cương quyết yêu cầu ly hôn.

- Anh Đ vắng mặt tại phiên toà, không có lý lẽ và lập luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Lê Văn Đ được ly hôn; Giao cháu Lê Hoàng Thái H cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền; giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Lê Văn Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không vì lý do khách quan hoặc trường hợp bất khả kháng. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L và bị đơn anh Lê Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 01/9/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị L đã khởi kiện xin ly hôn anh Đ. Mặc dù anh Đ cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không đáng kể, chủ yếu là cãi nhau và yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng anh trở lại sống bình thường. Tuy nhiên, Tòa án ra Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải thì anh Đ không đến, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Từ khi chị L nộp đơn khởi kiện đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị L xin ly hôn anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có 01 con tên Lê Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2008, hiện đang ở với chị L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con. Xét thấy hiện nay

cháu H đang sống chung với chị L. Nguyên vọng của cháu được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về mọi mặt của con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H cho chị L chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: các đương sự khai không có, nên không xem xét.

[2.6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L được ly hôn anh Lê Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Hoàng Thái H, sinh ngày 01/7/2008 cho chị Nguyễn Thị Hồng L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003819, ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chị Nguyễn Thị Hồng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/5/2019). Đối với anh Lê Văn Đ không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND TT M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Quang Hiệp